

VAI TRÒ CỦA TRIẾT HỌC HY LẠP CỔ ĐẠI ĐỐI VỚI SỰ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN TRIẾT HỌC MÁC

NGUYỄN CHÍ HIẾU *

Tóm tắt: Để tạo nên một cuộc cách mạng trong triết học, C.Mác và Ph.Ăngghen đã kế thừa một cách có phê phán toàn bộ tinh hoa văn hóa của nhân loại lúc bấy giờ. Vì thế, không chỉ có triết học cổ điển Đức, mà triết học Hy Lạp cổ đại cũng đóng vai trò hết sức quan trọng đối với sự hình thành và phát triển triết học Mác nói riêng, chủ nghĩa Mác nói chung. Bài viết phân tích những tác động của nền triết học ấy đối với C.Mác và Ph.Ăngghen. Từ khi còn ngồi trên ghế nhà trường phổ thông, cũng như trong giai đoạn chín muồi về sau, C.Mác luôn đánh giá cao tư tưởng của các nhà triết học Hy Lạp cổ đại, coi đó là vũ khí lý luận hữu hiệu cần khai thác để đấu tranh, phê phán trật tự xã hội cũ và xây dựng lý luận mới.

Từ khóa: Hy Lạp cổ đại, triết học, triết học Mác.

Cũng như bất kỳ một hệ thống triết học nào khác, triết học Mác không ra đời từ mảnh đất trống không, mà sự xuất hiện của nó luôn dựa trên những tiền đề kinh tế - xã hội, văn hóa, khoa học, lý luận và thực tiễn nhất định. Để tạo nên một cuộc cách mạng trong triết học, C.Mác và Ph.Ăngghen đã kế thừa một cách có phê phán toàn bộ tinh hoa văn hóa của nhân loại lúc bấy giờ. Nói một cách hình ảnh thì các ông đã biết “đứng lên vai những người khổng lồ” tiền bối trong lịch sử. Vì thế, không chỉ có triết học cổ điển Đức với hệ thống của Hêghen và Phoiơbắc - những tiền đề lý luận trực tiếp nhất (đã được đề cập khá nhiều và chi tiết trong các công trình, giáo trình triết học) - mà nền triết học Hy Lạp cổ đại cũng có một vai trò hết sức quan trọng đối với sự hình thành và

phát triển chủ nghĩa Mác nói chung, triết học Mác nói riêng. Chính vì vị trí có tầm quan trọng đặc biệt như vậy của triết học Hy Lạp cổ đại, nên trong bài viết này, chúng tôi phân tích vai trò và ý nghĩa của triết học đó đối với sự hình thành triết học Mác.

Trong thời gian từ thế kỷ thứ VIII đến thế kỷ thứ II trước Công nguyên (tr.CN) đã xuất hiện một loạt các nhà triết học với các học thuyết triết học đa dạng, phong phú từ Đông sang Tây, trong đó có nền triết học Hy Lạp cổ đại phát triển hết sức rực rỡ. Đây là một khoảng thời gian “kỳ lạ” không lặp lại trong lịch sử toàn thế giới. Nhà triết học Đức K.Jaspers đã gọi khoảng thời gian lịch sử ấy là “*thời gian trực*”. Trong tác

(*) Tiến sĩ, Học viện Chính trị Khu vực I.

phẩm “*Mục đích và nội dung của lịch sử*”, ông viết: “Nhiều thứ bất bình thường đã diễn ra vào thời gian này. Khi đó Khổng Tử và Lão Tử đã sống ở Trung Quốc, tất cả mọi khuynh hướng triết học Trung Quốc đã xuất hiện. Tại Ấn Độ, Upanishad đã xuất hiện, Phật đã sống...; tại Iran, Zarathustra đã dạy về thế giới trong đó diễn ra cuộc đấu tranh giữa cái thiện và cái ác; các nhà tiên tri Italia, Irắc, Ieremia,... đã phát biểu ở Palestin; ở Hy Lạp - đó là thời kỳ của Hôme, Pácmênít, Hêraclít, Platôn... Tất cả những gì gắn liền với tên tuổi ấy đều xuất hiện dường như đồng thời trong suốt mấy thế kỷ ở các nơi nêu trên độc lập với nhau. Vào thời đại đó, người ta đã xây dựng các phạm trù cơ bản mà hiện nay tư duy ta vẫn dựa vào, đã đặt cơ sở cho các tôn giáo thế giới mà ngày nay vẫn có ảnh hưởng mạnh. Chính vào thời kỳ này, con người đã ý thức được toàn bộ tồn tại của mình, bản thân mình không phải như một thực thể khép kín mà như một thực thể phổ biến. Những chuyển biến diễn ra vào “thời gian trục” có ý nghĩa to lớn đối với sự phát triển sau đó. Khi đó đã diễn ra một bước ngoặt lớn nhất trong lịch sử”⁽¹⁾. Jaspers chỉ ghi nhận có “thời gian trục” mà không giải thích nó đã xuất hiện như thế nào. Nhiều triết gia sau Jaspers đã cố gắng lý giải nguyên nhân xuất hiện của “thời gian trục”, nhưng có lẽ nó sẽ vẫn mãi là một câu đố bí ẩn của lịch sử.

Trong lịch sử văn minh thế giới, văn minh Hy Lạp với những thành tựu tuyệt vời và phong cách đặc sắc đã tạo nên

một ảnh hưởng vô cùng to lớn đối với phương Tây nói riêng và toàn thể nhân loại nói chung. Hy Lạp cổ đại là cái nôi của nền văn minh phương Tây. Không có Hy Lạp cổ đại thì không thể tưởng tượng được văn minh phương Tây sẽ như thế nào và rõ ràng, Châu Âu ngày nay mang dấu ấn truyền thống của nền văn minh Hy Lạp cổ đại. Điều đặc biệt chính là việc nền văn minh Hy Lạp cổ đại xuất hiện một cách hết sức đột ngột và có thể xem đó là một bí mật vẫn cần được các nhà nghiên cứu, nhà khoa học tiếp tục giải mã.

Hy Lạp cổ đại nằm ở đông bắc Địa Trung Hải, ngoài bán đảo Hy Lạp hiện nay còn bao gồm cả vùng biển Aegean, Macedo, Thrace, bán đảo Italia và vùng tiểu Á. Khởi nguồn của nền văn minh Hy Lạp cổ đại được ghi nhận vào khoảng năm 5000 tr.CN. Bắt đầu từ thời điểm ấy, văn minh Hy Lạp cổ đại đã có những bước tiến đáng kể, nhưng sau đó nền văn minh này lại biến mất một cách bí ẩn vào khoảng năm 1200 tr.CN. 400 năm tiếp theo đó, Hy Lạp cổ ở vào thời kỳ mà các nhà nghiên cứu đánh giá là “thời kỳ tăm tối” của nền văn minh. Sau khi trải qua 4 thế kỷ của “thời kỳ tăm tối”, đến thế kỷ thứ VIII tr.CN, văn minh Hy Lạp cổ bỗng dưng lại xuất hiện với hình thái phát triển cao, vượt xa sức tưởng tượng của con người, với nhiều thành tựu rực rỡ mà ngày nay, người Hy

⁽¹⁾ Đỗ Minh Hợp, Nguyễn Thanh, Nguyễn Anh Tuấn (2006), *Đại cương lịch sử triết học phương Tây*, Nxb Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, tr.10.

Lap vẫn rất tự hào và có quyền tự hào. Âm nhạc, mỹ thuật, hội họa, toán học, y học, vật lý, các áng thi ca, sử thi và đặc biệt là triết học cùng với nhiều lĩnh vực khác dường như đều bắt đầu từ nền văn minh Hy Lạp cổ đại và phát triển khởi sắc trong các giai đoạn sau của nền văn minh phương Tây.

Người phương Tây coi hành trình trở về với văn minh Hy Lạp cổ đại là trở về với suối nguồn của văn minh Châu Âu hiện đại. Chính vì vậy mà ngay từ khi còn ngồi trên ghế nhà trường, các học sinh đã được trang bị từ rất sớm những kiến thức cơ bản về văn hóa Hy Lạp cổ đại. Vào thời kỳ C.Mác và Ph.Ăngghen đến trường cũng đã là như vậy, cho nên không có gì là đáng ngạc nhiên khi trong thời gian học phổ thông trung học, C.Mác và Ph.Ăngghen đã được đào tạo khá kỹ lưỡng về lịch sử và văn hóa Hy Lạp cổ đại. Nhà trường rất chú trọng đến việc truyền thụ cho học sinh những kiến thức ngôn ngữ Hy Lạp và Latinh. C.Mác trẻ tuổi rất thích đọc các tác phẩm của Sếchxpia và trường ca của Hôme trong thư viện của Bá tước Phôn Vétxphalen - người sau này trở thành bố vợ của C.Mác. Như con gái Elêano của C.Mác nhớ lại thì đó chính là những tác giả được cha bà đặc biệt yêu thích.

Ngay cả trong giai đoạn học tập tại trường Đại học ở Bon, C.Mác vẫn rất đam mê nghiên cứu văn học cổ đại. Chàng sinh viên C.Mác đã chăm chỉ dự các buổi giảng về Hôme của A.W. Phôn Slêghen - một trong những người đứng đầu trường phái lãng mạn tại Bon lúc

bấy giờ. C.Mác trẻ tuổi còn rất hứng khởi nghe chuyên đề “Thần thoại Hy Lạp và La Mã” do chuyên gia F.G. Véclo thuyết giảng.

Sau khi chuyển lên Béclin và nghiên cứu triết học, C.Mác vẫn dành khá nhiều thời gian cho niềm đam mê nghiên cứu lịch sử cổ đại của mình. C.Mác không bỏ qua các giờ giảng rất hấp dẫn về lịch sử nghệ thuật cổ đại của thầy Vincoman. Ngoài ra, C.Mác còn chịu khó dịch các đoạn trích trong tác phẩm gốc của Arixtôt từ tiếng Hy Lạp sang tiếng Đức và điều này chứng tỏ ngay khi còn ngồi trên ghế giảng đường đại học C.Mác đã khá thành thạo thứ ngôn ngữ quan trọng này và đó cũng là điều kiện tiên quyết đối với những ai muốn nghiên cứu chuyên sâu về triết học Hy Lạp cổ đại. Vào năm học cuối cùng của thời sinh viên, C.Mác cũng nghe TS. Kêpơ giảng bài về Êpiquya. Như vậy, có thể thấy, ngay từ khi còn trẻ C.Mác đã ham thích và dành rất nhiều thời gian nghiên cứu lịch sử tư tưởng và văn học cổ đại. Chính vì thế, trong hầu hết các tác phẩm của C.Mác sau này, chúng ta đều thấy ông luôn đề cập ít nhiều tới văn hóa và triết học cổ đại. Kể cả cho tới khi đã cao tuổi, C.Mác vẫn say mê đọc các tác phẩm của các nhà tư tưởng cổ đại từ nguyên bản tiếng Hy Lạp.

Tuy nhiên, chỉ từ năm 1839 trở đi, C.Mác mới chuyên tâm nghiên cứu các vấn đề triết học Hy Lạp cổ đại một cách có hệ thống. Kết quả là C.Mác đã hoàn thành và bảo vệ bản luận án tiến sĩ “*Sự khác nhau giữa triết học tự nhiên của*

Đêmôcrít và triết học tự nhiên của Êpiqura”⁽²⁾ vào năm 1841. Nhu cầu nghiên cứu chuyên sâu triết học cổ đại bắt nguồn từ việc C.Mác tham gia vào nhóm Hêghen trẻ ở Béclin. Sinh hoạt trong nhóm này còn có anh em nhà Bauơ, Rúttenbéc, Kôpen và những người khác. Nhóm này tuyên bố công khai sự phê phán đối với nhà nước Phổ, tôn giáo và triết học của nhà nước đương thời. Và để tiến hành phê phán, họ đã sử dụng triết học cổ đại như là một trong những vũ khí lý luận hữu hiệu để chống lại nền triết học và nền chính trị đang thống trị khi ấy. Rõ ràng, trên nhiều phương diện, triết học cổ đại đã thu hút được sự chú ý mạnh mẽ của những người trong phái Hêghen trẻ mà C.Mác cũng không là ngoại lệ. Điều này không phải là ngẫu nhiên.

Sự quay trở lại với triết học cổ đại có một vị trí đặc biệt quan trọng trong phong trào giải phóng, chống phong kiến của giai cấp tư sản. Hy Lạp cổ đại với tổ chức thành bang có tính chất dân chủ được các nhà tư tưởng, các nhà văn tư sản tiến bộ thế kỷ XVIII - nửa đầu thế kỷ XIX coi là hình mẫu lý tưởng cho những tư tưởng và các yêu sách của họ. C.Mác và những người bạn đồng chí hướng đã nhanh chóng tận dụng triết học Hy Lạp cổ đại như là một phản đề triết học đối với những vấn đề lý luận, chính trị, tôn giáo của chế độ hiện tồn.

Theo các nhà Hêghen trẻ, do tất cả các quan hệ chính trị, luật pháp và đạo đức xét đến cùng đều dựa trên các quan hệ tôn giáo cho nên họ tập trung mọi nỗ

lực triết học của mình vào phê phán không khoan nhượng tôn giáo⁽³⁾. Phán bác lại cách hiểu và chú giải triết học Hêghen của phái Hêghen già, họ cho rằng tư duy của Hêghen là có thiên hướng vô thần và chống Kitô giáo và do vậy, không tương dung với tôn giáo nhà nước Phổ. Chúng ta biết rằng, Hêghen luôn đề cao vị trí, vai trò của triết học Hy Lạp cổ đại trong lịch sử triết học thế giới. Chẳng hạn như Hêghen đặc biệt đề cao phép biện chứng của Hêraclít và coi Platôn và Arixtôt là những người thầy của nhân loại. Chính sự đánh giá cao này, cũng như tư tưởng chống Kitô giáo của Hêghen thời còn ở Bern đã là những điểm tựa lý luận để phái Hêghen trẻ chống lại hệ tư tưởng tôn giáo thống trị đương thời. Brunô Bauơ thường trích dẫn lại quan điểm của Hêghen về triết học Hy Lạp cổ đại trong tác phẩm *“Những bài giảng về lịch sử triết học”* như sau: “Khi nhắc đến đất nước Hy Lạp, thì đó là quê hương của những người có giáo dục ở Châu Âu và đặc biệt là của những người Đức chúng ta”⁽⁴⁾.

Tinh thần phê phán tôn giáo thể hiện rất rõ nét trong bản luận án tiến sĩ của C.Mác khi đề cập tới triết học Êpiqura. Đối với C.Mác thì “Êpiqura là một nhà khai sáng cấp tiến thực sự của thời cổ,

(2) C.Mác - Ph.Ăngghen (2000), *Toàn tập*, t.40, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.269-350.

(3) C.Mác - Ph.Ăngghen (1995), *Toàn tập*, t.3, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.27.

(4) G.W.F.Hêghen (1999), *Những bài giảng về lịch sử triết học*, t.1, Nxb Suhrkamp. Frankfurt a. Main, tr.173.

ông công khai công kích tôn giáo thời cổ, và chủ nghĩa vô thần của người La Mã - trong chừng mực nó tồn tại ở họ - cũng bắt nguồn từ ông”⁽⁵⁾.

Tóm lại, sau khi Hêghen mất thì vấn đề đặt ra đối với các nhà tư tưởng đương thời là triết học có thể và cần phải tiến lên như thế nào? Không hài lòng với tính chất có phần bảo thủ của phái Hêghen già, những người Hêghen trẻ đã nắm lấy triết học và lịch sử triết học Hy Lạp cổ đại để xây dựng và phát triển những tư tưởng triết học của mình. Chính những yếu tố phê phán (tôn giáo) cũng như mối liên minh chặt chẽ với triết học cổ đại trong cuộc chiến lý luận của phái Hêghen trẻ đã tác động trực tiếp tới sự lựa chọn đề tài luận án tiến sĩ của C.Mác. Với sự can trọng khoa học vốn có, C.Mác đã nghiên cứu chuyên sâu lịch sử triết học cổ đại và đánh giá cao mối liên hệ giữa Aríxtôt và Êpíquya.

Êpíquya quy các nguyên nhân của tất cả các quá trình trong tự nhiên về các nguyên tử đang vận động trong khoảng không và gán cho các nguyên tử đang vận động ấy “có quyết định tự do” (sự chuyển động chệch hướng). Trong luận án, C.Mác cho rằng, triết học tự nhiên Êpíquya là đỉnh cao của triết học Hy Lạp cổ đại và coi Êpíquya là “nhà khai sáng Hy Lạp vĩ đại bậc nhất”⁽⁶⁾.

Thực ra, vào khoảng thời gian này (1838 - 1841) C.Mác vẫn còn đứng trên lập trường của chủ nghĩa duy tâm Hêghen, nhưng đã vượt ra khỏi quan điểm của Hêghen về lịch sử triết học khi nhấn mạnh đến tư tưởng vô thần và duy

vật cũng như ý nghĩa của nó đối với việc xây dựng các quan hệ xã hội tiến bộ. Việc nghiên cứu chuyên sâu triết học Êpíquya đã tạo tiền đề và là động lực quan trọng để nghiên cứu chủ nghĩa duy vật cổ đại. Trong “Lời tựa” của luận án tiến sĩ, C.Mác còn dự định “phân tích cặn kẽ một chùm các học thuyết triết học của Êpíquya, của phái khắc kỷ và của phái hoài nghi trong mối quan hệ của những học thuyết ấy với toàn bộ tư duy tư biện Hy Lạp”. Sau khi đề cập tới công lao của Hêghen trong lĩnh vực lịch sử triết học, ngay lập tức C.Mác cũng đưa ra nhận xét có tính chất phê phán của mình: “Tuy rằng Hêghen, xét về toàn cục, đã xác định những nét chung của các hệ thống triết học đã nêu, nhưng với đề cương rộng lớn đến kinh ngạc và táo bạo của ông về lịch sử triết học - mà nói chung chỉ từ đó mới mở đầu lịch sử triết học - ông đã không thể đi vào các chi tiết. Mặt khác, quan điểm của Hêghen về điều mà ông gọi là tư biện chủ yếu, đã cản trở nhà tư tưởng vĩ đại ấy thừa nhận các hệ thống triết học kể trên có một ý nghĩa cao đối với lịch sử triết học Hy Lạp và đối với tinh thần Hy Lạp nói chung”⁽⁷⁾.

Sau khi bảo vệ luận án tiến sĩ, C.Mác không có điều kiện nghiên cứu triết học cổ đại một cách có hệ thống như trước. Cuộc đấu tranh chính trị đã hướng

⁽⁵⁾ C.Mác - Ph.Ăngghen (1995), *Toàn tập*, t.3, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.186.

⁽⁶⁾ C.Mác - Ph.Ăngghen (2000), *Toàn tập*, t.40, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.348.

⁽⁷⁾ *Sđđ*, tr.276.

những suy ngẫm triết học của ông vào những mâu thuẫn cơ bản của xã hội tư sản. Có thể nói, ngay từ năm 1843, C.Mác đã đoạn tuyệt với quan điểm duy tâm của Hêghen về lịch sử. Cùng với Ăngghen, ông tập trung nghiên cứu khoa học vào việc luận chứng cho thế giới quan duy vật của giai cấp công nhân. Liên quan đến những nghiên cứu khoa học về kinh tế học chính trị của chủ nghĩa tư bản và quan niệm duy vật về lịch sử, xã hội cổ đại lại xuất hiện trong tâm điểm chú ý của C.Mác và Ph.Ăngghen. Có hai phương diện đòi hỏi những nhà kinh điển của chủ nghĩa Mác cần phải quay lại với những tư tưởng cổ đại và sự quay trở lại này cũng cho thấy vị trí, vai trò, ý nghĩa đặc biệt quan trọng của triết học Hy Lạp cổ đại đối với sự hình thành triết học Mác.

Thứ nhất, nghiên cứu một cách chi tiết xã hội (Hy Lạp - La Mã) cổ đại thể hiện ra là một vòng khâu hết sức quan trọng trong quá trình hình thành quan niệm duy vật về lịch sử. C.Mác và Ph.Ăngghen coi nhiệm vụ chủ yếu trong tranh luận với các nhà triết học và kinh tế học tư sản là ở chỗ cần xóa bỏ quan niệm tư sản có tính chất phi lịch sử, vĩnh cửu hóa các quan hệ tư bản. Các ông đã chứng minh rằng, bản thân chủ nghĩa tư bản chỉ là một hình thức phát triển của đời sống xã hội đã hình thành trong lịch sử và tất yếu sẽ bị lịch sử vượt qua. Chứng minh ấy không chỉ tạo tiền đề cho sự phân tích một cách lịch sử - cụ thể về phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa, mà còn là để phân tích những

thời đại mà từ đó sản xuất tư bản đã xuất hiện. Trong “*Hệ tư tưởng Đức*”, “*Phác thảo phê phán khoa kinh tế chính trị*” và đặc biệt là trong tác phẩm của Ph.Ăngghen: “*Nguồn gốc của gia đình, của chế độ tư hữu và của nhà nước*”, C.Mác và Ph.Ăngghen đã phân tích sâu sắc cấu trúc của hình thái kinh tế - xã hội cổ đại và đó là những đóng góp quan trọng trong quá trình phát triển quan niệm duy vật về lịch sử. Chính sự so sánh các thời đại với phương thức sản xuất khác nhau đã cho thấy rõ hơn tính đặc thù của từng giai đoạn phát triển của xã hội, đồng thời cũng làm bộc lộ quy luật phát triển chung của sự tái sản xuất ra đời sống xã hội của con người. Trong các nghiên cứu về kinh tế chính trị học của mình, C.Mác đã trích dẫn các tư tưởng của Xenôphôn, Platôn và Arixtôt. Ông đánh giá rất cao những tư tưởng sâu sắc của các nhà tư tưởng đó về cấu trúc phân công lao động của thành bang Hy Lạp. Theo C.Mác, Smít và các nhà nghiên cứu tiền bối vẫn không vượt lên trên được quan điểm cổ đại khi bàn về phân công lao động, có điều họ chỉ hơn các nhà tư tưởng cổ đại khi xét đến kết quả và mục đích của sự phân công lao động mà thôi.

C.Mác đặc biệt đánh giá cao Arixtôt trong các tác phẩm kinh tế chính trị học của ông. Nếu “bí mật” của toàn bộ phương thức sản xuất tư sản nằm trong hàng hóa và khi tiến hành phân tích nền sản xuất hàng hóa sẽ cho phép nhận thức được bản chất của quá trình tái sản xuất tư bản chủ nghĩa, thì chính Arixtôt

là nhà triết học đầu tiên đã có những tư tưởng dù còn sơ khai về vấn đề này. Trong tác phẩm “*Tư bản*” nổi tiếng, C.Mác viết: “Thiên tài của Arixtôt chính là ở chỗ, trong biểu hiện giá trị của các hàng hóa, ông đã tìm ra được một quan hệ bình đẳng. Chỉ có những giới hạn lịch sử của xã hội mà ông đang sống mới ngăn cản không cho ông thấy được “trong thực tế”, mối quan hệ bình đẳng đó là cái gì”⁽⁸⁾.

Thứ hai, các nhà kinh điển của chủ nghĩa Mác coi những nhiệm vụ cơ bản trong quá trình vạch thảo và phát triển quan niệm duy vật về lịch sử còn là ở chỗ, luận giải cho tính quyết định của tồn tại xã hội đối với ý thức xã hội. Sự phân tích một cách lịch sử - cụ thể các giai đoạn phát triển cụ thể của xã hội đã làm cho các ông nhận thấy được tính phức tạp của các hiện tượng xã hội cũng như các mâu thuẫn đối kháng của nó. Ngoài ra, khi nghiên cứu từ giác độ triết học về sự tác động qua lại giữa các hình thái ý thức xã hội đa dạng như chính trị, khoa học, triết học, tôn giáo, đạo đức, mỹ học, v.v. với tư cách là phương thức phản ánh hiện thực khách quan của con người và thông qua con người, C.Mác và Ph.Ăngghen cũng còn nhấn mạnh đến tính độc lập tương đối của tư duy triết học đã phát triển trong lịch sử. Những nghiên cứu ấy của các ông dần dần hình thành nên quan niệm mácxít đặc thù, chín muồi và có hệ thống về lịch sử triết học Hy Lạp cổ đại cũng như những đánh giá về vị trí, vai trò, ý nghĩa của nó trong lịch sử triết học nói chung.

Chúng ta có thể thấy những phân tích và đánh giá rất sâu sắc của Ph.Ăngghen về triết học Hy Lạp cổ đại trong “Phần mở đầu”, cũng như trong Lời tựa (cũ) của tác phẩm “*Chống Duyrinh*” và ở “Lời nói đầu” của tác phẩm “*Biện chứng của tự nhiên*”.

Theo Ph.Ăngghen, khi nghiên cứu về phép biện chứng thì không thể không nghiên cứu triết học Hy Lạp, bởi lẽ “những nhà triết học Hy Lạp cổ đại đều là những nhà biện chứng tự phát, bẩm sinh, và Arixtôt, bộ óc bách khoa nhất trong các nhà triết học ấy, cũng đã nghiên cứu những hình thức căn bản nhất của tư duy biện chứng”⁽⁹⁾. Khi chúng ta dùng tư duy để xem xét giới tự nhiên, lịch sử loài người, hay hoạt động tinh thần của bản thân chúng ta thì trước nhất, chúng ta thấy một bức tranh về sự chằng chịt của những mối liên hệ và những sự tác động qua lại trong đó không có cái gì là đứng nguyên, không thay đổi, mà tất cả đều vận động, biến đổi, phát sinh và mất đi. Ph.Ăngghen nhận xét: “Cái thế giới quan ban đầu, ngây thơ, nhưng xét về thực chất thì đúng đó là thế giới quan của các nhà triết học Hy Lạp cổ đại và lần đầu tiên đã được Hêraclít trình bày một cách rõ ràng: mọi vật đều tồn tại và đồng thời lại không tồn tại, vì mọi vật đang *trôi đi*, mọi vật đều không ngừng thay đổi,

⁽⁸⁾ C.Mác - Ph.Ăngghen (1993), *Toàn tập*, t.23, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.98.

⁽⁹⁾ C.Mác - Ph.Ăngghen (1994), *Toàn tập*, t.20, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.34.

mọi vật đều không ngừng phát sinh và tiêu vong”⁽¹⁰⁾.

Chính vì người Hy Lạp chưa đạt tới trình độ mở xẻ, phân tích giới tự nhiên cho nên họ hãy còn quan niệm giới tự nhiên là một chỉnh thể và đứng về toàn bộ mà xét chỉnh thể ấy. Mỗi liên hệ phổ biến giữa các hiện tượng tự nhiên chưa được chứng minh về chi tiết; đối với họ, mỗi liên hệ đó là kết quả của sự quan sát trực tiếp. Đó chính là thiếu sót của triết học Hy Lạp, do đó mà sau này, nó buộc phải nhường chỗ cho những cách nhìn khác. Nhưng chính đó cũng là ưu điểm của nó so với tất cả các địch thủ siêu hình sau này của nó. Nếu về chi tiết, chủ nghĩa siêu hình là đúng hơn so với những người Hy Lạp, thì về toàn thể những người Hy Lạp lại đúng hơn so với chủ nghĩa siêu hình. Ngay từ thời cổ đại, các xu hướng triết học đã tập trung vào những vấn đề liên quan đến biện chứng của tự nhiên, biện chứng của quá trình nhận thức và của sự phát triển xã hội. Bên cạnh đó, Ph.Ăngghen còn ghi nhận rằng, “chủ nghĩa duy vật tự phát và sơ khai đã hiện ra hoàn toàn rõ nét, chủ nghĩa duy vật này trong giai đoạn phát triển đầu tiên của nó, coi tính thống nhất trong sự muôn vẻ vô tận của những hiện tượng thiên nhiên là một điều dĩ nhiên và tìm sự thống nhất ấy ở một vật hữu hình nào đó, ở một vật đặc biệt nào đó, như Talét, ở nước vậy”⁽¹¹⁾.

Như vậy, triết học Hy Lạp cổ đại có vai trò hết sức quan trọng đối với sự hình thành và phát triển triết học C.Mác.

Nó đóng vai trò là một tiền đề lý luận cho quá trình hình thành triết học C.Mác. Không chỉ thế, việc nghiên cứu một cách có hệ thống nền triết học này còn cho thấy tính chất liên tục, tính kế thừa của dòng chảy triết học, của tư duy triết học từ khi hình thành, phát triển cho tới giai đoạn xuất hiện triết học C.Mác. Không phải ngẫu nhiên mà C.Mác đã khẳng định rằng: “Triết học hiện đại chỉ tiếp tục cái công việc do Hêraclít và Arixtôt đã mở đầu mà thôi”⁽¹²⁾. Và Ph.Ăngghen cũng đánh giá rất cao vai trò của triết học Hy Lạp, vì “từ các hình thức muôn hình muôn vẻ của triết học Hy Lạp, đã có mầm mống và đang nảy nở hầu hết tất cả các loại thể giới quan sau này”⁽¹³⁾. Đó là một trong những lý do tại sao trong triết học cũng như trong nhiều lĩnh vực khác, “chúng ta phải luôn luôn trở lại với thành tựu của cái dân tộc nhỏ bé đó, cái dân tộc mà năng lực và hoạt động toàn diện của nó đã tạo ra cho nó một địa vị mà không một dân tộc nào khác có thể mong ước được trong lịch sử phát triển của nhân loại”. Từ đó, các nhà kinh điển đi đến kết luận rằng, không có cơ sở văn minh Hy Lạp và đế quốc La Mã thì không thể có Châu Âu hiện đại được.

⁽¹⁰⁾ *Sđd*, tr.35.

⁽¹¹⁾ C.Mác - Ph.Ăngghen (1994), *Toàn tập*, t.20, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.662.

⁽¹²⁾ C.Mác - Ph.Ăngghen (1995), *Toàn tập*, t.1, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.166.

⁽¹³⁾ C.Mác - Ph.Ăngghen (1994), *Toàn tập*, t.20, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.491.

